TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2020
V/v ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Hiền.
2. Ông Nguyễn Thế Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lưu Thị Liên- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 526/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về "*Yêu cầu ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Nhơn V, sinh năm 1981; Địa chỉ: khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Thị Cẩm T và ông Trần Nhơn V quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, bà T, ông V có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 14 tháng 04 năm 2010.

Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, khi cưới nhau được vài tháng thì giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V cờ bạc, không lo cho gia đình, thường xuyên kiếm chuyện gây gỗ và đánh đập bà T dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông V đã tự ý chấm dứt cuộc sống chung từ năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà T, ông V có 01 người con chung là Trần Gia L, sinh ngày 29/5/2012. Hiện nay, cháu L đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V vẫn không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, vì thế Tòa án không thể tổ chức hòa giải để thuyết phục động viên các bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm để trở về đoàn tụ với nhau. Sau nhiều lần vắng mặt, đại diện Tòa án cũng đã phối hợp với đại diện địa phương đến nơi cư trú của ông Trần Nhơn V để làm rõ tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông V và tìm hiểu nguyên nhân vắng mặt của ông V nhưng không gặp được ông V.

Qua xác minh tại địa phương: Cảnh sát khu vực cung cấp: ông Trần Nhơn V có đăng ký tạm trú tại khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông V.

Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bà T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc bà T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đang tạm trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn".

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, bà Trương Thị Cẩm T và ông Trần Nhơn V tiến tới hôn nhân chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Bà T, ông V đăng ký kết hôn tại UBND phường Phú Mỹ,thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, giấy chứng nhận kết hôn số 51, quyển số 01/2010 ngày 14 tháng 04 năm 2010. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Hiện nay giữa bà T, ông V không còn tình cảm với nhau. Cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng đối với nhau, bất đồng về tính cách, quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cải vã và xô xát nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Bà T, ông V đã tự sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để vợ chồng bà T, ông V đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông V không có thiện chí hòa giải và không mong muốn tiếp tục chung sống với bà T nữa. Riêng bà T vẫn cương quyết và có nguyện vọng được ly hôn với ông V, bà T không đồng ý đoàn tụ với ông V. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà T, ông V đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà T với ông V.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà T, ông V có 01 người con chung là Trần Gia L, sinh ngày 29/5/2012. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà T tự nguyện không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay cháu L đang sống với bà T, nguyện vọng của cháu L cũng mong nuốn được tiếp tục ở với bà T, nên cần chấp nhận yêu cầu này của bà T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Cẩm T. Bà Trương Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trần Nhơn V.

2.Về con chung: Bà T, ông V có 01 người con chung là Trần Gia L, sinh ngày 29/5/2012. Giao con chung là Trần Gia L, sinh ngày 29/5/2012 cho bà Trương Thị Cẩm T chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Trương Thị Cẩm T tự nguyện không yêu cầu ông Trần Nhơn V cấp dưỡng nuôi con

Ông Trần Nhơn V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Trương Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002535 ngày 03/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy bà T đã nộp xong án phí .

5. Về quyền kháng cáo:Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX Phú Mỹ;
- Chi cục THADS TX Phú Mỹ;
- NĐKKH:UBND phường Phú Mỹ ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thị Hiền